

QUYẾT ĐỊNH

**Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 1825/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 732/TTr-SNNMT ngày 01/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo.

2. Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba.
3. Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP).
4. Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP).
5. Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký).
6. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện.
7. Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản.
8. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản.
9. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm.
10. Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi.
11. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi.
12. Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen.
13. Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh.
14. Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi.
15. Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi.
16. Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi.
17. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận).
18. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận).
19. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu).
20. Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.
21. Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y.
22. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y.
23. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

24. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

25. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký.

26. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

27. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

28. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

29. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

30. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

31. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký.

32. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

33. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

34. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

35. Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.

36. Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

37. Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

38. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

39. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

40. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính đúng quy định.

2. Công khai, minh bạch quy trình, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

3. Bảo đảm điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

4. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả giải quyết thủ tục hành chính được giao.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tại Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28/02/2027.

2. Bãi bỏ 17 thủ tục hành chính tại Mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 23/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật và lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Bãi bỏ Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 10.

Q_V3

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng